TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1570/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Chinh

2. Bà Lê Thị Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh N - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 821/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4034/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5041/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1980

Địa chỉ: số D đường Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Thiên A, sinh năm 1982

Địa chỉ: số A Đường A, Khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Thiên A tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2006 ngày 15/8/2006.

Thời gian đầu kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông A thiếu trách nhiệm với gia đình, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông A không thay đổi, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn do không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, sinh hoạt nên từ đầu năm 2012 ông A đã dọn về sinh sống với cha mẹ của ông A. Đến nay mâu thuẫn đã kéo dài, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên tình cảm lạnh nhạt, không còn khả năng hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Lê Thiên A.

- Về con chung: có một con chung tên Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 02/7/2007 (trên 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Ông Lê Thiên A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập ông A đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn ông Lê Thiên A; con chung của bà L, ông A trên 18 tuổi nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Thiên A cư trú tại địa chỉ số A Đường A, Khu phố D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện, bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thiên A, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Thiên A: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 16/6/2026 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Thiên A có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2006 ngày 15/8/2006, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Lê Thiên A là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông A tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông A vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông A đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông A đã xảy ra những mâu thuẫn do vợ chồng không có sự hòa hợp, thống nhất. Đến nay vợ chồng không còn gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà L xác định không còn khả năng xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà L yêu cầu ly hôn nhưng ông A vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận..

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của bà L phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 210 ngày 27/4/2011 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, đủ căn cứ xác định bà L và ông A có một con chung Lê Nguyễn

Ngọc H, sinh ngày 02/7/2007. Con của bà L, ông A đến nay đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà L phải chịu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Lê Thiên A.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2006 ngày 15/8/2006 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Con chung tên Lê Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 02/7/2007 (trên 18 tuổi).

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024354 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND KV2-TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- Các đương sự;
- UBND P. L, TP . HCM;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Lưu